

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C1 N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131014300101 - Thi t k ã ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010481	36C1	ñ Th ã h An	27/02/1994	6.0	6.0	5.0	6.0							5.8	2.9	4.0	2.0	4.9	
2	3641010098	36C1	Nguy n Ho ã g n	21/09/1993	7.0	8.0	7.0	7.0							7.3	3.7	4.0	2.0	5.6	
3	3641010072	36C1	H ã V ã ã B o	02/03/1993	5.0	5.0	5.0	5.0							5.0	2.5	1.0	0.5	3.0	
4	3641010482	36C1	Võ Xuân Biên	02/02/1994	6.0	7.0	8.0	8.0							7.3	3.7	5.0	2.5	6.1	
5	3641010023	36C1	Tr n Nh Bình	07/03/1990	8.0	6.0	7.0	7.0							7.0	3.5	4.0	2.0	5.5	
6	3641010121	36C1	ñ ã Công	28/03/1994	7.0	5.0	7.0	7.0							6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
7	3641010026	36C1	Tr n Minh D ã g	27/08/1993	8.0	9.0	7.0	7.0							7.8	3.9	4.0	2.0	5.9	
8	3641010141	36C1	H S ã ang	09/09/1994	0.0	5.0	0.0	0.0							1.3	0.7	0.0	0.0	0.6	
9	3641010135	36C1	Nguy n Th ã h ã t	20/07/1994	8.0	7.0	8.0	8.0							7.8	3.9	2.0	1.0	4.9	
10	3641010128	36C1	Ph m Tĩ n ã t	30/07/1994	9.0	7.0	8.0	8.0							8.0	4.0	2.0	1.0	5.0	
11	3641010049	36C1	Lê Hoàng ã i p	21/07/1993	4.0	4.0	4.0	4.0							4.0	2.0	4.0	2.0	4.0	
12	3641010148	36C1	B ã i V ã ã ã o ã	12/01/1993	8.0	5.0	8.0	8.0							7.3	3.7	3.0	1.5	5.1	
13	3641010101	36C1	Võ Phúc H u	18/06/1994	5.0	5.0	5.0	5.0							5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
14	3641010081	36C1	T C ã ng Kha	21/02/1993	6.0	8.0	6.0	6.0							6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
15	3641010070	36C1	Nguy n Duy Khang	08/09/1994	9.0	7.0	9.0	9.0							8.5	4.3	5.0	2.5	6.8	
16	3641010032	36C1	Mai Tùng Lâm	11/05/1994	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
17	3641010113	36C1	L ² D ã g Linh	16/11/1993	9.0	9.0	8.0	8.0							8.5	4.3	6.0	3.0	7.3	
18	3641010146	36C1	Qu ² ch H u Nam	23/08/1993	0.0	5.0	0.0	0.0							1.3	0.7	0.0	0.0	0.6	
19	3641010109	36C1	ñ M nh Nguyên	03/10/1993	8.0	7.0	8.0	8.0							7.8	3.9	1.0	0.5	4.4	
20	3641010097	36C1	Nguy n Quang Phúc	10/11/1992	5.0	7.0	7.0	7.0							6.5	3.3	6.0	3.0	6.3	

Kh¹a h c : **L p h c** : 36C1 **N¹m h c** : 2013-2014 **ñ VHT** : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT : **H ệ ph ần** : 131014300101 - Thi t k ế ng **H ệ k m** : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THI NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10							
21	3641010082	36C1	H Ng c	Quý	15/01/1994	6.0	7.0	7.0	7.0							6.8	3.4	6.0	3.0	6.4	
22	3641010057	36C1	Phan Thanh	S n	01/03/1994	8.0	9.0	8.0	8.0							8.3	4.2	2.0	1.0	5.1	
23	3641010053	36C1	Nguy n Nh t	Tân	23/12/1993	5.0	7.0	6.0	6.0							6.0	3.0	2.0	1.0	4.0	
24	3641010105	36C1	V½T n	Tây	17/05/1994	8.0	8.0	7.0	7.0							7.5	3.8	5.0	2.5	6.3	
25	3641010046	36C1	Nguy n Th@nh	Ti n	10/12/1994	9.0	7.0	9.0	9.0							8.5	4.3	8.0	4.0	8.3	
26	3641010354	36C1	Tr n VÑñ	Tĩnh	05/02/1992	8.0	8.0	7.0	7.0							7.5	3.8	4.0	2.0	5.8	
27	3641010095	36C1	ñ @n Trung	Tích	06/02/1994	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	3641010092	36C1	H H u	Toàn	20/04/1994	8.0	9.0	8.0	8.0							8.3	4.2	5.0	2.5	6.6	
29	3641010090	36C1	L² Ng c	Toàn	13/02/1994	6.0	6.0	5.0	5.0							5.5	2.8	2.0	1.0	3.8	
30	3641010124	36C1	Tr n Anh	To i	28/04/1991	6.0	6.0	5.0	5.0							5.5	2.8	4.0	2.0	4.8	
31	3641010040	36C1	Phan Thanh	Tu n	19/02/1993	5.0	6.0	5.0	5.0							5.3	2.7	1.0	0.5	3.1	
32	3641010011	36C1	Võ Duy	Tu n	16/03/1994	4.0	7.0	5.0	5.0							5.3	2.7	2.0	1.0	3.6	
33	3641010083	36C1	Tr ng VÑñ	Tuyên	30/07/1994	6.0	7.0	7.0	7.0							6.8	3.4	5.0	2.5	5.9	
34	3641010074	36C1	Tr n VÑñ	Tú	21/06/1994	5.0	7.0	5.0	5.0							5.5	2.8	1.0	0.5	3.3	
35	3641010025	36C1	L² T n	Th	24/05/1990	8.0	6.0	8.0	8.0							7.5	3.8	4.0	2.0	5.8	
36	3642010143	36C1	Nguy n VÑñ	Th ch	00/00/1991	8.0	9.0	8.0	8.0							8.3	4.2	3.0	1.5	5.6	
37	3641010030	36C1	Phan ñ c	Thi	26/06/1993	8.0	8.0	8.0	8.0							8.0	4.0	4.0	2.0	6.0	
38	3641010042	36C1	Nguy n Qu c	Th nh	20/08/1994	4.0	0.0	0.0	0.0							1.0	0.5	0.0	0.0	0.5	
39	3641010111	36C1	L² Qu c	Tr n	29/01/1994	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
40	3641010136	36C1	Tr n Minh	Trí	11/12/1993	8.0	6.0	6.0	6.0							6.5	3.3	5.0	2.5	5.8	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C1 Nñ h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 131014300101 - Thi t k ã ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3601010016	36C1	Ho ãg ã c Tr n	21/01/1994	6.0	5.0	5.0	5.0							5.3	2.7	7.0	3.5	6.1	
42	3641010108	36C1	L ² Qu c Vñ	00/00/1985	7.0	7.0	7.0	7.0							7.0	3.5	4.0	2.0	5.5	
43	3641010112	36C1	Nguy n Ch' Viên	27/11/1994	8.0	6.0	8.0	8.0							7.5	3.8	3.0	1.5	5.3	

T ng s : 43 h c sinh sinh vĩ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa Gi" o Vĩ n B M»n Gi" o V Khoa